

PHAN BỘI CHÂU – QUAN NIỆM TIẾN BỘ VÀ NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO HẬU THẾ

◆ PHAN TRỌNG TUẤN

Qua hơn bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước vẻ vang của dân tộc; từ cuối thế kỷ XIX trở về trước, mỗi khi đất nước lâm nguy thì những người con ưu tú của dân tộc như Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Quang Trung... đã xuất hiện và được lịch sử giao phó để lãnh đạo khối đoàn kết toàn dân tộc, cứu nguy cho đất nước.

Đầu thế kỷ XX, khi giai cấp phong kiến, và sau đó là giai cấp tư sản đã thất bại và bất lực trước các nhiệm vụ lịch sử¹ thì Phan Bội Châu và Nguyễn Ái Quốc đã xuất hiện. Năm 1905, Phan Bội Châu – một chính khách nổi tiếng của Việt Nam – cùng một số đồng chí sang Nhật tìm đường đi cho dân tộc nhưng đã thất bại. Sáu năm sau, Nguyễn Ái Quốc cũng là người con xứ Nghệ cùng sinh ra ở đất Nam Đàn như Phan Bội Châu đã ra đi với hai bàn tay trắng, làm phụ bếp cho một chiếc tàu khu hải ngoại ở Bến Nhà Rồng để sang trời Âu, đã tìm được đường đi cho dân tộc là chủ nghĩa xã hội khoa học mà chúng ta hiện nay đang ra sức phấn đấu thực hiện bằng được. Vấn đề đặt ra là vì sao con đường cứu nước của Phan Bội Châu thất bại nhưng Đảng và nhân dân ta vẫn rất tôn sùng, quý trọng cụ? Từ góc nhìn về cuộc đời, văn thơ và những cống hiến của Phan Bội Châu đối với cuộc sống của nhân dân ta đương thời và hiện nay, bài viết này muốn lý giải phần nào câu hỏi đó.

Phan Bội Châu, trước 1900, quen gọi là Phan Văn San, biệt hiệu là Sào Nam, sinh ở



*Chân dung Phan Bội Châu
do ảnh hiệu Hương Kỳ chụp giữa những năm 1920*

làng Sa Nam, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An; quê chính là Đan Nhiễm nằm sát bên tả ngạn Sông Lam, cách Sa Nam chừng vài cây số. Nghệ Tĩnh là quê hương của nhiều văn hào nổi tiếng như: Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Huy Tự; là nơi từng sản sinh rất nhiều anh hùng dân tộc như Mai Hắc Đế, Đặng Dung, Đặng Tất; sau này là nơi có phong trào Cần Vương sôi nổi với những tên tuổi như: Phan Đình Phùng, Nguyễn Xuân Ôn. Đời Trần, vua Trần Nhân Tông thường lấy Nghệ Tĩnh làm

niềm tự hào, thách thức đối với bọn giặc phương Bắc khi chúng lăm le đánh chiếm nước ta:

“Cối kê cựa sự quân tu ký

Hoan diễn do tồn thập vạn binh”.

Sinh ra từ một gia đình phong kiến hạng thấp, lấy nghiên làm ruộng, lấy bút làm cày, sống cuộc sống thanh bạch, gần gũi với nhân dân; nhà nghèo, lại là con trai duy nhất của một gia đình đã bốn đời độc đinh nên gánh nặng chữ Hiếu lại càng nặng nề và ràng buộc Phan Bội Châu. Cha cụ là Phan Văn Phổ – một người thâm nho am hiểu kinh chuyện nhưng không đỗ đạt, suốt đời làm nghề dạy học nuôi cha và nuôi con. Mẹ cụ là Nguyễn Thị Nhàn, cũng dòng dõi một nhà nho học: “Mẹ tôi hiền lành phúc hậu, có lòng thương người nghèo. Tôi ở với mẹ tôi từ bé, hơn 10 năm mà không bao giờ thấy mẹ tôi làm và nói một điều gì sơ suất. Thuở nhỏ vì các anh trong nhà đều học chữ Hán nên bà cũng học lóm được mấy thiên Chu Nam trong *Kinh thi* và đã chuyển khẩu cho tôi từ lúc chưa đi học” (*Niên biểu*)²

1. Một thiên tài bẩm sinh với ý chí nghị lực của một người muốn làm nên sự nghiệp lớn để cứu dân, cứu nước

“Tiếng khóc oe oe chào đời của tôi như đã báo hiệu cho tôi rằng mày sẽ phải làm người dân mất nước” (*Niên biểu*). 9 tuổi, Phan Bội Châu đã tập hợp bạn nhỏ lấy ống tre làm súng, hạt vải làm đạn, chơi trò đánh Tây, 17 tuổi đã thức suốt đêm thảo bài hịch *Binh Tây thu Bắc*, bí mật đem dán lên cây to ngoài đường cũng mong làm rung động lòng người nhưng không được mọi người chú ý.

Năm 1911, Phan Bội Châu tập hợp đồng chí, mưu đánh thành Nghệ An nhưng bị bại lộ nên không thành. Khi kinh thành Huế thất thủ, Phan Bội Châu đã tụ tập hơn 60 bạn thành lập “sĩ tử Cần Vương đội”. Trong

Niên biểu, Phan Bội Châu cho những việc làm trên đây là “trò ái quốc trẻ con đáng buồn cười”, từ đó rút ra bài học quý: muốn làm việc lớn cần có một tổ chức cẩn mật, có uy tín, có chương trình kế hoạch cụ thể để vận động cách mạng trong toàn quốc mới thành công được. Trừ một thời gian ngắn ở nhà dạy học, trả tiền chữ Hiếu sau khi cha mất, Phan Bội Châu đã đem cả cuộc đời mình hiến dâng cho cách mạng.

Giai đoạn 1905-1908, Phan Bội Châu hoạt động cách mạng ở nước ngoài: “Năm Bính Ngọ, tức là năm Thành Thái thứ 18, từ năm đây đến mùa Thu năm Mậu Thân là thời kỳ rất đặc ý của tôi. Kể đời tôi từ trước đến nay công việc tiến hành thuận lợi không lúc nào hơn lúc này”. Phan Bội Châu cùng một số đồng chí xuất dương sang Nhật, thành lập phong trào Đông Du. Ở đây, cụ đã tiếp xúc với các chính khách nổi tiếng của Nhật Bản, Trung Hoa như Khuyển Dưỡng Nghị (Thủ tướng Nhật Bản), Tôn Dật Tiên, Lương Khải Siêu..., làm trụ sở cho du học sinh, kiếm tiền cho họ sinh sống học hành; viết thư viết văn về nước vận động đồng bào; viết báo viết sách để giới thiệu Việt Nam cùng thế giới; chuẩn bị lực lượng vũ trang, khuyến khích lãnh đạo các hoạt động bài Pháp khắp mọi nơi.

Giai đoạn 1909-1911, Pháp và Nhật bắt tay nhau, Đông Du bị giải tán, du học sinh phải trục xuất về nước, là thời kỳ “rất thất ý vô liêu trong mười năm nay” (*Niên biểu*), thiếu thốn, đói rét, nguy hiểm là câu chuyện hàng ngày; tự do cũng như tính mạng bị đe dọa khắp nơi, từng giờ, từng phút nhưng tinh thần nhà chí sĩ bất chấp mọi gian nguy thử thách: “Xưa nay những cuộc thay cũ đổi mới, gạn đục khơi trong mấy khi không thất bại mà thành công được, chúng ta nên trông bánh xe đã đổ trước, thay đổi con đường thất bại, tìm kiếm con đường thành công,

kiếm cái sống trong trăm nghìn cái chết, tìm bài thuốc hay sau khi đã bị thất bại nhiều lần, một ngày kia đi đến thành công thì lịch sử Phan Bội Châu này lại không phải là cái xe đi trước hay sao” (*Niên biểu*).

Năm 1917, Cách mạng tháng Mười Nga thành công, Phan Bội Châu tìm gặp đại biểu Liên Xô tại Trung Quốc, gặp Nguyễn Ái Quốc – bấy giờ đã nổi tiếng là nhà cách mạng đại diện cho Việt Nam tại các diễn đàn quốc tế. Được “sáng mắt sáng lòng”, Phan Bội Châu đã quyết định thay đổi đường lối hoạt động cho hợp với tình hình mới. Ngày 18 tháng 6 năm 1926, trên đường sang Liên Xô, khi vừa đến Thượng Hải, thấy có một chiếc xe du lịch rất đẹp chờ sẵn mời cụ lên xe, chở cụ về môi giới của Pháp, giao cho Pháp. Phan Bội Châu trở thành người tù giam lỏng chung thân tại ngôi nhà Bến Ngự ở thành phố Huế, đến năm 1940 thì qua đời. Toàn quốc nổi lên một phong trào đám tang Phan Bội Châu rộng lớn, sôi nổi, thực dân Pháp không sao ngăn cản được.

“Thời kỳ 1905-1925 là quãng đời của oanh liệt, vẻ vang trong thân thế nhà chí sĩ. Hai mươi năm ròng rã không một cuộc vận động yêu nước nào là không thấm nhuần ít nhiều tinh thần của Phan Bội Châu. Từ đầu thế kỷ này, 3 chữ “Phan Bội Châu” là dấu hiệu cao cả tập hợp mọi lực lượng chống thực dân Pháp ở trong nước và ở ngoài nước, và cũng là thể hiện đẹp đẽ tiêu biểu cho tinh thần quật cường của cả dân tộc giữa những ngày đau khổ, tủi hổ của lịch sử nước nhà. Quốc dân đồng bào từ Nam chí Bắc luôn luôn nhìn thấy trong ba chữ “Phan Bội Châu” một tia hi vọng. Phan Bội Châu trong già nửa đời người đã gắn chặt với lịch sử nước nhà” (Đặng Thai Mai).

Là một thiên tài bẩm sinh nên năng khiếu văn học ở Phan Bội Châu cũng nảy nở rất sớm. Khi còn rất bé, chưa đi học, chưa biết

chữ nhưng Phan Bội Châu đã thuộc lòng mấy thiên Chu Nam trong *Kinh thi* do mẹ truyền khẩu; học võ lòng thông thường phải học trong 6 tháng, Phan Bội Châu chỉ học trong 3 ngày đã thuộc hết *Tam Tự Kinh*; 7 tuổi, học kinh truyện mỗi ngày 10 tờ; nhà nghèo không có tiền mua giấy, phải viết vào lá chuối, học xong đốt đi mà chữ nghĩa in sâu vào óc không thiếu một từ; 8 tuổi đã làm được các bài văn ngắn, trong các cuộc thi hạch ở xã hay ở huyện đều đỗ và lại đỗ đầu; 13 tuổi đã làm đủ các bài văn cử tử như văn sách, luận, thơ, phú kinh nghĩa; 17 tuổi nổi tiếng văn chương, nhất là sau khi đỗ đầu phú Anh Sơn (gồm cả Nam Đàn ngày nay), tiếng tăm càng đồn đại khắp xa gần, được suy tôn là người hay chữ nhất nước. Phan Bội Châu đi học, đi thi và thi đỗ với mục đích là để có danh có tiếng để vận động cách mạng, và cũng là để che mắt kẻ thù. Sau khi đỗ giải Nguyên, Phan Bội Châu không ra làm quan vì theo quan niệm của các nhà nho yêu nước đương thời: “Lập thân tối hạ thi văn chương”. Phan Bội Châu tham gia cách mạng bằng cách viết văn tuyên truyền vận động cách mạng. Ở Phan Bội Châu, nhà văn và nhà chính trị là một. Phan Bội Châu đã để lại cho đất nước một sự nghiệp văn học rực rỡ, đồ sộ.

Từ xưa đến nay, trong văn học Việt Nam chưa có nhà văn nào chịu khó và có gan đem ngòi bút mà thử thách trên nhiều loại văn khác nhau như Sào Nam. Phan Bội Châu viết về rất nhiều loại văn luận đề, văn ký sự, tiểu thuyết; thơ trữ tình, tư ca, thơ hùng tráng, tuồng, hát giặm, bia phú, trưởng, câu đối. Phải nói rằng nếu trong đầu óc không có ít nhiều kiến thức về văn nghệ và một nội dung tư tưởng phong phú thì quyết không thể hạ bút thành tư tưởng, thành văn thơ được như vậy³. Phan Bội Châu viết liên tục, viết suốt cuộc đời hoạt

động cách mạng, viết ở trong nước, khi ra nước ngoài lại càng viết nhiều, cho đến khi bị giam lỏng ở Huế vẫn viết với số lượng không ít: “Dân tộc ta vốn có truyền thống dùng văn chương làm vũ khí đấu tranh, thế nhưng trước Phan Bội Châu vẫn chưa có ai thực sự đem văn chương là vũ khí tuyên truyền cách mạng, có ý thức, có hệ thống và có kết quả như Phan Bội Châu”⁴.

Ngòi bút Phan Bội Châu sáng ngời chủ nghĩa yêu nước với một niềm tin mãnh liệt một lý tưởng anh hùng cách mạng.

Phan Bội Châu thực sự bước vào cuộc đời Cách mạng từ lúc thực dân Pháp đã chấm dứt thời kỳ bình định nước ta bằng quân sự, chuyển sang thời kỳ củng cố nền thống trị khai thác, vơ vét kinh tế. Đánh Pháp trong thời kỳ nó đã thống trị mình khó hơn rất nhiều khi nó còn là một tên giặc cầm súng bắn giết đồng bào. Trong lúc những Ưông Tinh Vệ, những Pê-tanh của Việt Nam như Tôn Thọ Trường, Hoàng Cao Khải không ngớt mồm kêu vang những luận điệu “Pháp không xâm lược Việt Nam, Pháp đến để khai hóa và đã khai hóa rất nhiều nhà máy, trường học, đường giao thông, bưu chính, nhà thương; chống Pháp là phản quốc, thân Pháp là yêu nước, là thức thời”. “Trong lúc mọi người đang ngủ say tiếng ngáy như sấm” (Phan Chu Trinh) thì văn thơ Phan Bội Châu là tiếng hét thức tỉnh mọi người, làm cho họ bừng tỉnh dậy, nhìn rõ kẻ thù là ai, và biết mình chỉ có một con đường để sống là đánh đuổi chúng nó đi. Bản chất của thực dân được Phan Bội Châu vạch trần bằng hai chữ “âm toan” và “dương bác”. Âm toan là bóc lột, vơ vét, làm cho người dân chết dần, chết mòn. Dương bác là lợi dụng cảnh nghèo đói của dân, ném tiền ra bắt họ đi phu đi lính để bóc lột trắng trợn:

“Trăm thứ thuế, thuế gì cũng ngắt
Rút chặt dần như thắt chỉ xe

Miền kẻ chợ phía nhà quê
Của đi có lối của về thì không
[...]

Vừa dạo nợ Thái Nguyên-Yên Bái
Xương chật đường máu chảy thành sông
Mình bao nhiêu nỗi khổn cùng
Nó càng mát mặt cam lòng bấy nhiêu...
[...]

Nó lại nghĩ bày mưu hiểm quyết
Mượn người làm đành mắt của thuê
Đường đi lính lối làm xe
Xô vào một đám sơn khê nghìn trùng
Việc Đông Bắc nay công mai dịch
Khi lấy sông, xé lạch, đào hào”

(*Hải ngoại huyết thư*)

“Tất cả quyền hành lớn nhỏ đều nằm trong tay quân giặc khác nòi, anh em thử nghĩ xem cây cò dựng trong trường kia là cò nước ta hay cò 3 sắc của quân giặc” (*Hòa lệ cống ngôn*), “Chúng chính là kẻ mắt biếc râu sắc vàng, không phải cha anh của ta mà lại ngồi xồm trên đầu ta, ia đá lên đầu ta (*Tân Việt Nam*).

Phan Bội Châu không những đã đánh tan mọi ảo tưởng, mọi cái nhìn mơ hồ về sự bảo hộ của thực dân Pháp mà còn bóc trần chính sách ngu dân, mị dân và thực chất của cái gọi là khai hóa văn minh của Pháp:

“Trường Quốc học đặt tên Pháp mở
Dạy người Nam đủ viết tiếng Tây
Đến như trăm thứ nghề hay
Bình, cơ, điện, khí không thầy dạy khôn”.

Đối với lũ bán nước tay sai, thái độ của Phan Bội Châu cũng triệt để kiên quyết không kém gì đối với thực dân. Phan Bội Châu thẳng thắn kết án triều đình phong kiến: “Mãn triều của Trung Quốc cũng như Nguyễn Triều của Việt Nam đều là phường chó chết cả”. Phan Bội Châu coi chúng là những kẻ vong thù nhân sĩ, là đối tượng đấu tranh, “là kẻ thù của toàn quốc”.

Phan Bội Châu chủ trương đánh Pháp đến cùng, đuổi chúng ra khỏi đất nước Việt Nam yêu quý của chúng ta:

“Hòn máu uất chất quanh đây ruột

Anh em ơi xin tuốt grom ra”

Muốn vậy, phải đoàn kết toàn dân tộc:

“Sao cho cái sức đến cùng

Sức cùng là bởi cái lòng cùng nhau

Việc đấu nặng chia mang cũng nổi

Xúm tay vào cứu lại non sông”.

Phan Bội Châu là người đã kế tục được truyền thống đoàn kết toàn dân giết giặc, cứu nước của cha ông ta. Đúng như ý kiến của nhà sử học Trần Huy Liệu: “Trong giai đoạn đầu thế kỷ XX, chúng ta có thể tự hào rằng trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược, dân tộc ta đã sản sinh ra Phan Bội Châu nhà yêu nước, người đã cố gắng phát huy truyền thống toàn dân đoàn kết giết giặc cứu nước của dân tộc”.

Niềm tin mãnh liệt là “nét tâm lý vĩ đại của Phan Bội Châu”. Chính nhờ có niềm tin mà cả cuộc đời Phan Bội Châu, trừ những năm hoạt động cách mạng ở nước ngoài “thời kỳ đặc ý nhất”, còn lại hơn 38 năm gian khổ, sống và chết cách nhau trong gang tấc, Phan Bội Châu vẫn không mất lòng tin và cũng nhờ lòng tin ấy mà Phan Bội Châu có cái nhìn đôn hậu, ấm áp với đồng bào, đồng chí. Trong quan hệ công tác, khi gặp một cái chết của bạn, một lời hẹn không thực hiện được, một việc làm thất bại của người khác đều làm cho Phan Bội Châu đau đớn, bàng hoàng. Trong những ngày bị Long Tế Quang bắt giam, đau đớn vì không được cùng các bạn chia sẻ hi sinh, Phan Bội Châu đã dành tất cả thời gian viết về gương anh hùng liệt sĩ để tự răn mình, để giáo dục đồng chí, với tấm lòng yêu thương, trân trọng và niềm tự hào chính đáng về họ. Trong quan hệ thân thiết nhiều năm vào sinh ra tử hầu như đã thuộc lòng từ tính nết,

từng thói quen, từng khuôn mặt của mọi người nhưng không bao giờ để cho mặt chưa tốt che lấp cả cuộc đời họ, trái lại luôn luôn tìm ra mặt tốt để ca ngợi họ: “...ở trên đời có nhiều người tốt lắm, nhiều lắm. Tiếc rằng không phải lúc nào ta cũng để ý thấy họ, phải biết nhận ra họ và tin cậy họ...”⁵.

Phan Bội Châu thương người nô lệ đi tàu hỏa bị tên lính Pháp tạt tai, đá dít; thương người nô lệ lâm than bị phá sản. Giữa kinh thành Huế đen tối, một ông già bị giam lỏng, nói sao hết sự đau buồn, thế mà chỉ nghe 1 tiếng rao bánh mì trong đêm mưa rét vọng đến tai, trong lòng đã dào lên bao xúc động:

“Ai bánh mì không” rao rát miệng

Đường bùn lầy quá bước chồn chân”

(*Đêm mưa thương người bán bánh rao*)

Đọc bài thơ của Phan Bội Châu, chúng ta không khỏi không nhớ tới một thanh niên cộng sản cũng chỉ vì một tiếng rao đêm vọng qua cửa sổ xà lim mà ướt lạnh tê lòng. “Trong thơ văn Phan Bội Châu, niềm tin được trình bày cụ thể hiển nhiên như những chân lý, khó khăn gian khổ không sờn” vì “gian nan là trường học anh hùng, thất bại không nản vì thất bại là mẹ thành công”. Một lòng tin như vậy rất cần cho thế hệ ngày nay.

2. Một quan niệm mới tiến bộ, mang tính cách mạng đối với thanh niên và phụ nữ

Già nửa cuộc đời hiến dâng cho đất nước chính là bắt nguồn bởi lòng yêu nước thiết tha từ tuổi thanh niên của Phan Bội Châu. Tinh thần sôi nổi, ý chí kiên cường, coi thường sự gian nan, nguy hiểm từ lúc thanh niên đã cho Phan Bội Châu thấy rõ sức mạnh to lớn của thanh niên. Khi còn hoạt động cách mạng, Phan Bội Châu đã ý thức được vai trò thanh niên, dựa hẳn vào họ, chú ý dìu dắt, động viên, thôi thúc họ đứng lên giết giặc cứu nước. Trong phong trào Đông Du, Phan Bội Châu chú ý lựa chọn

những thanh niên ham học, thông minh, có đức tính chịu khó, chịu khổ và kiên quyết không biến đổi để rèn luyện, đào tạo họ vì “Thanh niên là hi vọng của quốc gia, ai nói thanh niên lay trời trời phải rụng, lay đất đất phải chuyển thì tôi cũng không lấy làm lạ”. Phan Bội Châu luôn chú ý giáo dục thanh niên, xây dựng cho họ một lý tưởng mới, một cách sống mới:

“Cởi lối xưa mà tu dưỡng lấy tinh thần
Chẳng thèm chơi, chẳng thèm mặc,
chẳng thèm ăn

Đúc gan sắt để dòi non lấp biển
Xối máu nóng rửa vết dơ nô lệ”.

Cho đến khi bị bắt về Huế, cụ vẫn tìm cách động viên lớp người trẻ, gửi biết bao hi vọng và niềm tin vào họ. Cụ thường xuyên nói chuyện với thanh niên, dạy họ học, nuôi con cái của bạn bè đồng chí. Thời gian đầu, không năm nào cụ không gửi thư chúc tết thanh niên, *Bài ca chúc tết thanh niên* (1926) không những ảnh hưởng rất lớn đối với thanh niên bấy giờ mà đến ngày nay thanh niên chúng ta vẫn rút ra được những bài học bổ ích về nhân sinh quan cách mạng. Trong những ngày cuối đời, tấm thân già hoàn toàn bất lực, chút hi vọng cuối cùng trong cuộc sống, Phan Bội Châu cũng gửi vào thanh niên:

“Sống không, sống có ích gì
Trông các bạn thanh niên mà sống rồn”.

Đối với phụ nữ, thái độ và cách nhìn của Phan Bội Châu mới hẳn so với lịch sử. Khi còn là thanh niên đang đi hát phường vải, Phan Bội Châu đã có những câu hát hết sức mới mẻ:

“Chị em kết gánh sơn hà
Làm cho tỏ mặt đàn bà nước Nam”.

Trong cuộc đời cách mạng, do điều kiện lịch sử và giai cấp hạn chế nên không thể có được một quan niệm đúng đắn, chính xác như chúng ta ngày nay nhưng có thể nói

Phan Bội Châu là người đầu tiên từ bỏ quan niệm phong kiến, có thái độ và cách nhìn tiến bộ nhất đối với người phụ nữ. Phan Bội Châu đã khẳng định:

“Giang Sơn làm nổi cơ đồ

Ấy là bậc nữ trượng phu nước mình”.

Đó là cái nhìn mới khác xa với cái nhìn cũ với những tư tưởng “Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô”, “Đàn ông trên nhà, đàn bà xó bếp”. Người phụ nữ trong văn thơ thế kỷ XVIII là những nhân vật trọng tâm trong các tác phẩm. Họ là những người tích cực nhưng hành động của họ chưa phải là đấu tranh cho xã hội mà chủ yếu là giải phóng cá nhân, giữ gìn trinh tiết... Mạnh mẽ như Ngọc Hoa bắt Trang Vương ném vào trong vạc dầu cũng là để giữ trọn chung thủy với Phạm Tải. Các nhân vật khác như Phương Hoa, Cúc Hoa, Kiều... đều là nạn nhân của xã hội. Cuối thế kỷ XIX, người phụ nữ đã có tiến bộ hơn về ý thức xã hội nhưng cũng chỉ mới là “Khuyên chồng sát tả Bình Tây với người”. Trong thơ văn Phan Bội Châu, người phụ nữ như Chú, Liên Triệu là những chiến sĩ đấu tranh không chỉ vì mình mà còn vì một sự nghiệp thiêng liêng cao cả hơn, đó là sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng phụ nữ. Họ xác định và ý thức được vai trò xã hội của mình: phụ nữ bình đẳng với nam giới. Trước đây, quan niệm nam tôn nữ ti làm cho người phụ nữ luôn luôn ở thế yếu, tảo bạo và ngang ngược như Xuân Hương vẫn phải ao ước “Ví đây đôi phận làm trai được” thì bây giờ: “Lòng yêu nước, thương nòi có phải độc quyền của nam giới đâu, người ta chỉ sợ không có chí, nếu có chí thì đàn bà cũng không thua kém gì đàn ông. Trước kia, nếu có đề cao phụ nữ trong lịch sử, hay trong văn học, người ta chỉ thấy vai trò cá nhân, chưa thấy vai trò của tập thể của cả giới phụ nữ. Phan Bội Châu tiến bộ hơn. Một Trung Vương mà không có ngàn vạn Trung Vương vô danh làm vây cánh nước

ta làm sao cho khỏi chia làm quận huyện” (*Việt Nam quốc sử khảo*); “Anh hùng có hai loại: hữu danh anh hùng và vô danh anh hùng, anh em nên sùng bái các bậc vô danh anh hùng ấy hơn ai cả”⁶; “Xã hội đức nên anh hùng, anh hùng tạo nên thời thế, vì có nhân mà được quả, rồi do quả sinh ra nhân”.

Phan Bội Châu còn phát hiện ra những đức tính đáng quý của người phụ nữ so với nam giới: “Chỉ thấy bọn chó săn theo đuôi giặc, rình mò làm hại đồng bào ta, cầu lấy một chút lợi lộc của giặc thì đều là bọn mày râu, tai to mặt lớn cả, còn lại chị em, bạn gái ta thì chưa có ai làm cái trò tồi tệ ấy”:

“Dù gái rủ trai
Chăm lo việc nước
Xong nghe con gái
Lại cần thiết hơn
Bời mẹ quốc dân
Là phận con gái”.

Văn thơ Phan Bội Châu là văn thơ tuyên truyền cách mạng nên văn thơ đó không phải chỉ làm cho người ta hiểu, tin, mà quan trọng là phải có sức lôi cuốn, thuyết phục. Ngoài nội dung tư tưởng cao quý, thơ văn Phan Bội Châu nhiều khi lại lai láng tình cảm bay bổng, dễ thấm sâu vào cõi lòng: “Đọc văn thơ Phan Bội Châu, hàng vạn người cắt búi tóc thiên cổ, hàng ngàn người vứt mộng công danh cử tử, hàng trăm người thoát ly gia đình đi đánh Tây, ngọn bút quả có gây được những trận lôi đình đáng sợ cho giặc, đáng tự hào cho cho đất nước...”⁷; “Câu thơ của Phan Bội Châu đã “dậy sóng” trong lòng hàng chục triệu người dân Việt Nam và sẽ mãi mãi làm dậy sóng các thế hệ, các thời đại sau này”⁸.

Cả cuộc đời cùng với khối thơ văn đồ sộ lớn lao chưa từng có, Phan Bội Châu đã cống hiến cho cách mạng, cho nhân dân ngay cả đến khi đang bị bắt, sống cuộc sống điu hiu cô quạnh vì bị bao vây.

Và một điều quan trọng mà chúng ta không thể không nhắc tới khi nói về Phan Bội Châu: Nhân văn là điểm cốt lõi trong nhân cách của cụ. Khi có người đến hỏi Phan Bội Châu: “Thánh Nam Đàn có phải là cụ không?”, Phan Bội Châu đã trả lời: “Mình thất bại liên miên còn Thánh nổi gì! Nếu Nam Đàn có Thánh thật thì Thánh Nam Đàn chính là Nguyễn Ái Quốc, cậu ta đi đúng đường hơn mình, thông minh tài giỏi hơn mình, thật là hậu sinh khả úy”.

Khiêm nhường, luôn vượt lên cái “tôi” để nhìn nhận “hậu sinh” một cách khách quan, đánh giá đúng tài năng công sức và đóng góp của họ cho thời cuộc; đặt niềm tin mãnh liệt vào họ; động viên, khích lệ họ mạnh dạn thể nghiệm vai trò công dân để dân khảng định mình, đóng góp nhiều hơn, có ích hơn cho đất nước. Thiết nghĩ, đó cũng là bài học kinh nghiệm cho những nhà lãnh đạo, quản lý; là “thông điệp” về niềm tin mà thế hệ trẻ hiện nay có thể tìm thấy ở chính cuộc đời và sự nghiệp văn thơ của Phan Bội Châu. ■

Chú thích:

¹ Mượn ý của Giáo sư Trần Văn Giàu ở hai tập sách lớn: tập 1 - *Hệ ý thức phong kiến và sự thất bại của nó trước các nhiệm vụ*; tập 2 - *Hệ ý thức tư sản và sự bất lực của nó trước lịch sử*.

² Tập tự truyện, một mẫu mực của thể văn hồi ký, thuật lại một cách trung thực cuộc đời Phan Bội Châu.

³ Đặng Thai Mai (1968), *Văn thơ Phan Bội Châu*, NXB. Văn học tr. 83-84.

⁴ Nguyễn Đình Chú (1976), *Văn thơ Phan Bội Châu, tác phẩm chọn lọc dùng trong nhà trường*, NXB. Giáo dục tr.10.

⁵ A-phai-ép (1964), *Xa Mạc Tư Khoa*, tập 2, NXB. Văn học, tr. 181-182

⁶ Báo *Tân thế kỷ*, ngày 3.2.1927.

⁷ Diễn văn khai mạc của Giáo sư Trần Văn Giàu đọc trong Lễ kỷ niệm 100 năm Nhà yêu nước, nhà văn Phan Bội Châu.

⁸ Câu của đồng chí Lê Duẩn, Báo *Văn nghệ* số 52, ngày 18.12.1976.